

Bản án số: 104/2024/HS-PT
Ngày 02-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn;

Ông Đặng Văn Chum.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 và 02 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 95/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Thân Ngọc L** và **Lê Thị L1** do có kháng cáo của bị hại **Chu Thị Hồng P** và bị cáo **Lê Thị L1** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Thị L1 sinh năm 1973 tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú: **ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang**; nơi đăng ký tạm trú: **tổ C, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Duy N** (đã chết) và bà **Chu Thị Q** (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị cáo có 05 người con; ngày 12/8/2023 bị cáo đầu thú và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2023 cho đến nay, có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có 01 bị cáo; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị và có 01 bị hại kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thân Ngọc L có quan hệ tình cảm với **Lê Thị L1**. Khoảng tháng 05/2023, **L** quen với **Chu Thị Hồng P**. Cả hai thường gặp nhau đi ăn uống và đến các nhà nghỉ trên địa bàn tỉnh Bình Dương để quan hệ tình dục. Trong một số lần quan hệ tình dục, **L** sử dụng điện thoại nhãn hiệu Vivo 1906 màu xanh gắn sim số 0394.578.182 chụp nhiều hình ảnh khỏa thân của bà **P**, tự quay clip có nội dung quan hệ tình dục với bà **P**. Cũng trong thời gian này, bà **P** có mượn **L** số tiền 70.000.000 đồng để giải quyết công việc, việc mượn tiền này bà **P** có ghi giấy mượn tiền và đưa cho **L** giữ.

Đến khoảng tháng 7/2023, **L** nhiều lần nhắn tin, gọi điện gây áp lực đòi bà **P** trả lại 70.000.000 đồng nhưng bà **P** không trả nên **L** nói sẽ gọi điện báo cho chồng bà **P** biết sự việc bà **P** có quan hệ tình cảm với **L**, đe dọa sẽ cho xã hội đen ngã tư 550 đến nhà đòi tiền làm bà **P** bị uy hiếp tinh thần, lo sợ phải năn nỉ. Sau đó, bà **P** dùng tài khoản zalo có tên **N1** đăng ký bằng số sim 0868.994.058 gắn trong điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 256GB chặn zalo của **L** có tên **Tuấn V** đăng ký bằng số sim 0394.578.182 gắn trong điện thoại nhãn hiệu Vivo 1906 màu xanh để trốn tránh, trì hoãn việc trả nợ.

Đến khoảng cuối tháng 7/2023, trong lúc **L** ngủ qua đêm tại phòng trọ của **Lê Thị L1**, **L1** kiểm tra phát hiện trong điện thoại của bị cáo **L** có nhiều tin nhắn thể hiện mối quan hệ tình cảm với bà **P** và nhiều hình ảnh khỏa thân của bà **P** nên **L1** ghen tuông, tự chuyển các hình ảnh này vào tài khoản zalo của **L1** có tên **Nguyễn Tấn H** đăng ký bằng số sim 0366.732.399 gắn trong điện thoại nhãn hiệu Oppo A31 màu trắng xanh nhạt. Sau đó, **L** thừa nhận có quan hệ tình cảm với bà **P** trong lúc quen **L1** và khi quan hệ tình dục với bà **P** có chụp ảnh lại. Đồng thời, **L** kể lại sự việc cho bà **P** mượn số tiền 70.000.000 đồng mà **L1** đã cho **L** trước đây và cho thêm bà **P** 20.000.000 đồng để tiêu xài nhưng khi đòi 70.000.000 đồng thì bị bà **P** không trả và chặn liên lạc. Để chứng minh việc bà **P** nợ tiền, **L** đã photo giấy mượn tiền đưa cho **L1** xem và nhờ **L1** đòi lại 70.000.000 đồng thì **L1** đồng ý.

Từ ngày 31/07/2023 đến ngày 12/08/2023, **L1** dùng tài khoản zalo của mình tự xưng là vợ chưa cưới của **L** để nhiều lần liên tục gọi điện, nhắn tin chửi bới vào tài khoản zalo của bà **P**. Đồng thời **L1** gửi nhiều hình ảnh khỏa thân của bà **P** vào zalo bà **P** để yêu cầu bà **P** trả lại 70.000.000 đồng, đe dọa sẽ tố cáo hành vi bà **P** có quan hệ tình dục với **L** cho chồng, con của bà **P** biết và đe dọa sẽ tung hình ảnh khỏa thân của bà **P** lên các trang mạng xã hội nhằm uy hiếp tinh thần buộc bà **P** trả nợ. Nội dung các tin nhắn chửi bới, đe dọa đều được **L1** sao chép gửi qua zalo của ông **L** cho ông **L** đọc lại, cũng có khi **L** đọc nội dung tin nhắn cho **L1** viết gửi zalo cho bà **P**. Khi bà **P** nhắn tin trả lời thì **L1** đều chuyển tiếp tin nhắn qua zalo cho **L** đọc lại. Do bị liên tục nhắn tin, gọi đe dọa nên bà **P** lo sợ bị ảnh hưởng đến đời tư và cuộc sống gia đình nên đã hứa hẹn vay mượn tiền trả lại 70.000.000 đồng để **L**, **L1** xóa hình ảnh, video nhạy cảm.

Sáng ngày 12/08/2023, bà **P** hẹn gặp bị cáo **L** để trả tiền nên trước khi đi,

L báo cho **L1** biết sự việc gặp bà **P** để lấy tiền nợ rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ nâu, biển số 60B9 – 64145, số khung 5824LY010056, số máy: JF86E0439635 đến quán **C** thuộc khu dân cư **Đ**, khu phố **T**, phường **T**, thành phố **D**, tỉnh Bình Dương đi gặp bà **P**. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, bà **P** đưa 35.000.000 đồng vì không vay mượn được thêm nên **L** đồng ý nhận tiền và tự viết giấy nhận tiền với nội dung như sau: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập tự do hạnh phúc, hôm nay ngày 12/08/2023, Giấy nhận tiền, **Thân Ngọc L**, ấp **Đ**, xã **Đ**, B, Bình Dương, làm căn cước công dân 02405000435 có nhận của **Chu Thị Hồng P** số tiền 35 triệu tròn (ba mươi lăm triệu tròn viết bằng chữ) còn lại 25 triệu đồng cô **P** trả cho ông **L** đầy đủ (tiền còn 25 triệu), tổng số 70 triệu trả 35 triệu (còn 25 triệu tròn) cô **P** người đã vay, tôi không đòi tự giác phải trả người vay (25 triệu tròn), thẻ căn cước 010168002783 C An cục csát cấp, hình ảnh chụp của cô **P** tôi cam kết kg phát tán lên mạng XH và chồng con GĐ cô **P**, nếu ông **L** phát tán chịu trách nhiệm trước pháp luật, người nhận tiền **Ngọc L** (kèm chữ ký), còn lại (25 triệu tròn hai mươi lăm triệu cô **Phụ nợ**)”.

Ngoài ra, **L** còn viết giấy vay tiền có nội dung: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập tự do hạnh phúc, giấy vay tiền, Hôm nay 8/8/2023 **P** còn nợ ông **L** xã **Đ** huyện **B** (25 triệu tròn) hai mươi lăm triệu tròn viết bằng chữ, căn cước 010168002783 **Tân Đông Hiệp Dĩ A**, người đã nhận đủ tiền 8/8/2003, chữ ký người nhận tiền **Chu Thị Hồng P** (kèm chữ ký)”.

Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, khi **L** viết xong giấy tờ và nhận số tiền 35.000.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố D** bắt quả tang, thu giữ vật chứng và tài liệu liên quan. Cùng ngày, **Lê Thị L1** đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Theo Kết luận giám định số 484/KL- KTHS ngày 01/9/2023 của **Phòng K** - **Công an tỉnh B** kết luận về đối tượng giám định:

1. Trong mẫu vật A1 gửi giám định có:
 - 59 tin nhắn giữa tài khoản “**Tuấn V**” trong điện thoại nhãn hiệu Vivo 1906 với tài khoản tên “Vợ **Y**”.
 - 99 tin nhắn giữa tài khoản “**Tuấn V**” trong điện thoại nhãn hiệu Vivo 1906 với tài khoản tên “Phu”.
 - 25 hình ảnh có nội dung khỏa thân được lưu trong điện thoại nhãn hiệu Vivo 1906 (được lưu vào đĩa DVD-R, màu vàng, dung lượng 4,7Gb).
2. Trong mẫu vật A2 gửi giám định có:
 - 1661 tin nhắn giữa tài khoản “**Nguyễn Tấn H**” trong điện thoại nhãn hiệu Oppo A31 với tài khoản tên “Luyện”.
 - 247 tin nhắn giữa tài khoản “**Nguyễn Tấn H**” trong điện thoại nhãn hiệu Oppo A31 với tài khoản tên “Luyện”.
 - 135 hình ảnh có nội dung khỏa thân được lưu trong điện thoại nhãn hiệu Oppo A31 (được lưu vào đĩa DVD-R màu vàng, dung lượng 4,7Gb).

Vật chứng thu giữ: số tiền 35.000.000 đồng; 01 giấy nhận tiền ngày 12/8/2023 ghi nhận số tiền 35.000.000 đồng có chữ ký của **Thân Ngọc L**; 01 giấy vay tiền ngày 12/8/2023 ghi vay số tiền 25.000.000 đồng có chữ ký của **Chu Thị Hồng P**; 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Vivo 1906 gắn sim 0394578182; 01 điện thoại Oppo A31 màu xanh nhạt gắn sim số 0366732399; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 60B9-641.45, số khung: 5824LY010056, số máy: JF86E0439635.

Quá trình tố tụng, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số: 484/KL- KTHS ngày 01/9/2023 của **Phòng K Công an tỉnh B**.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 15/2024/TB-TA ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Thân Ngọc L**, **Lê Thị L1** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s, v, x khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Thân Ngọc L** 02 (hai) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Thị L1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân **thành phố D, tỉnh Bình Dương** đối với **Lê Thị L1** cho đến khi bị cáo bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Ngày 08/4/2024, bị cáo **Lê Thị L1** kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 11/04/2024, bị hại **Chu Thị Hồng P** kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt cho các bị cáo và buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 22/04/2024, bị hại **Chu Thị Hồng P** có đơn rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 05/2024/HSPT-QĐ ngày 10/6/2024 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Thân Ngọc L** và phần kháng cáo của bị hại **Chu Thị Hồng P**.

Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Thị L1** giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án

treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo **Lê Thị L1** kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo **L1** cùng đồng phạm có hành vi nhấn tin, gọi điện đe dọa sẽ tung hình ảnh khỏa thân và các đoạn clip cảnh quan hệ tình dục của bị hại **Chu Thị Hồng P**, đe dọa sẽ cho gia đình bị hại **P** biết bị hại có quan hệ nam nữ bất chính với người khác, làm bị hại **P** bị uy hiếp tinh thần lo sợ nên buộc bị hại **P** phải đưa số tiền 35.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo **L**, **L1** chiếm đoạt như giấy nhận nợ 70.000.000 đồng là chưa đúng vì bị hại chỉ đưa và bị cáo **L** chỉ nhận được số tiền 35.000.000 đồng. Việc xác định không đúng số tiền chiếm đoạt dẫn đến xác định sai khung hình phạt áp dụng đối với các bị cáo **L1**, **L**.

Ngoài ra, bị cáo **L** là người nảy sinh và rủ rê bị cáo **L1**, cùng bị cáo **L1** soạn tin nhắn đe dọa bị hại và là người trực tiếp nhận tiền chiếm đoạt có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo **L1** được rủ rê để đòi nợ cho bị cáo **L** và cùng bị cáo **L** dùng lời lẽ nhấn tin đe dọa bị hại nên có vai trò thấp hơn bị cáo **L**. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **L** 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không nghiêm, không phù hợp với vai trò chính của bị cáo trong vụ án, không đảm bảo tính răn đe giáo dục và không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Đây là những vi phạm nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại. Do vụ án bị đề nghị hủy nên không xem xét kháng cáo của **Lê Thị L1**.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 11/04/2024, bị hại **Chu Thị Hồng P** kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt cho các bị cáo và buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 22/04/2024, bị hại **Chu Thị Hồng P** có đơn rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành

Quyết định đình chỉ hình sự phúc thẩm số: 05/2024/HSPT-QĐ ngày 10/6/2024 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo **Thân Ngọc L** và phần kháng cáo của bị hại **Chu Thị Hồng P**.

[3] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận định của bản án sơ thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, các biên bản hỏi cung bị can, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 31/07/2023 đến ngày 12/08/2023, bị cáo **Lê Thị L1** và bị cáo **Thân Ngọc L** có hành vi gọi điện, nhắn tin chửi bới, gửi hình ảnh khóa thân của bà **Chu Thị Hồng P** vào zalo bà **P** và đe dọa sẽ tố cáo hành vi bà **P** có quan hệ tình dục với bị cáo **L** cho chồng, con của bà **P** biết và sẽ tung hình ảnh khóa thân của bà **P** lên các trang mạng xã hội nhằm uy hiếp tinh thần, ép buộc bà **P** trả cho bị cáo **Thân Ngọc L** số tiền 70.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 45 phút ngày 12/08/2023, tại quán **C** thuộc **khu dân cư Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**, bà **P** đã giao cho bị cáo **Thân Ngọc L** số tiền 35.000.000 đồng và bị cáo **L** viết giấy nhận tiền cam kết không phát tán các ảnh nhạy cảm của bà **P** thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố D** bắt quả tang. Như vậy, hành vi thực hiện của bị cáo **L1** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo **L1** cùng với bị cáo **L** có hành vi nhắn tin, gọi điện đe dọa sẽ tung hình ảnh khóa thân và các đoạn clip cảnh quan hệ tình dục của bị hại **Chu Thị Hồng P**, đe dọa sẽ cho gia đình bị hại **P** biết bị hại có quan hệ nam nữ bất chính với người khác, làm bị hại **P** bị uy hiếp tinh thần lo sợ nên buộc bị hại **P** phải đưa số tiền 35.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo **L** là người nảy sinh và rủ rê bị cáo **L1**, cùng bị cáo **L1** soạn tin nhắn để đe dọa bị hại và là người trực tiếp nhận tiền chiếm đoạt có vai trò chính trong vụ án. Tuy nhiên, tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **L** 02 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là không nghiêm, không phù hợp với vai trò chính của bị cáo **L** trong vụ án, không đảm bảo tính răn đe giáo dục và không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại. Xét thấy, hành vi từ khi các bị cáo chuyển hình ảnh khóa thân và các đoạn clip cảnh quan hệ tình dục giữ bị cáo **L** và bị hại **P** đến máy điện thoại của bị hại **P**, dùng lời lẽ đe dọa uy hiếp tinh thần sẽ cho gia đình bị hại **P** biết bị hại có quan hệ nam nữ bất chính với người khác nhằm chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng của bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo **Thân Ngọc L2, Lê Thị L3** về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét bị cáo **Thân Ngọc L** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị cáo có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo đã lớn tuổi (70) là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **L** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do đó, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Từ những phân tích trên, xét thấy quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét bị cáo **Lê Thị L1** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo **L1** tham gia với vai trò giúp sức. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo **L1** đã đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 9.000.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi con nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo **L1** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lê Thị L1**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về hình phạt:

2. Tuyên bố bị cáo **Lê Thị L1** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Thị L1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (02/7/2024).

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân **thành phố D, tỉnh Bình Dương** đối với **Lê Thị L1**.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Lê Thị L1** không phải nộp.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An (02);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- CQCSĐT Công an thành phố Dĩ An;
- Người tham gia tố tụng (02);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, NMT, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức